

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thu Sương
Ông Đỗ Sơn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp KH, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Trần Văn L1, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp MQ, xã MP, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày:***

Về hôn nhân: Ông bà chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MP. Cuộc sống ban đầu hạnh phúc tuy nhiên sau đó dần phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Lý do mâu thuẫn do ông L1 có mối quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, bà đã bỏ qua và khuyên can nhiều

lần nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị NA, sinh ngày 02/7/2016. Hiện con chung đang sống cùng bà nội, bà và ông L1 đều đang đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn bà đồng ý giao con cho ông L1 và bà nội tiếp tục nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Trần Văn L1 đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L ly hôn với ông L1. Ông bà có 01 con chung Trần Thị NA, sinh ngày 02/7/2016, giao con chung cho ông L1 được tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết. Án phí: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L1, địa chỉ cư trú của ông L1 thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà L có đơn xin vắng mặt, ông L1 thì vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông L1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà L và ông L1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, phù hợp

với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014 nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông L1.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L1 để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên ông từ chối nhận văn bản và cho đến nay ông L1 vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định ông L1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp MQ, xã MP, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa ông bà thì địa phương không rõ. Hiện ông bà không còn chung sống cùng nhau.

[2.4] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, không còn sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau và không còn chung sống cùng nhau từ năm 2021. Suốt thời gian ly thân, ông bà vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm gia đình. Nay bà L yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và bà từ chối việc Tòa án tiếp tục hòa giải cũng như xin vắng mặt khi xét xử cho thấy sự cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn lại với nhau nhưng ông L1 vắng mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án, điều này chứng tỏ ông L1 không có thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà L. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà L với ông L1 là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà có 01 con chung Trần Thị NA, hiện cháu NA đang sống cùng ông L1. Khi ly hôn, bà L đồng ý giao con chung cho ông L1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông L1 không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung cũng như không đến Tòa án tham gia hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông L1 về việc nuôi con. Xét thấy, hiện cháu NA đang sống cùng ông L1, để đảm bảo việc ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu NA cho ông L1 được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L1 không có yêu cầu.

[2.6] Ông L1 và các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu

cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông L1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim L ly hôn với ông Trần Văn L1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34 cấp ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã MP, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Văn L1 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Trần Thị NA, sinh ngày 02/7/2016, hiện cháu NA đang sống cùng ông L1. Giao con chung là cháu Trần Thị NA cho ông L1 được tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L1 và các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003647 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Trần Văn L1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Văn L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đường sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hương